TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM- PT

Ngày: 16/9/2019

"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;

Ông Bạch Đăng Thi.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Hoàng Đức Trình – Kiểm sát viên.

Ngày 13 và ngày 16/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/ 2019/TLPT-KDTM ngày 11/6/2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 26/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐ-PT ngày 29/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 đường Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Thái S– sinh năm 1989, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, có mặt.

Địa chỉ: Tầng 2B, tòa nhà R6-Royal City, 72A Nguyễn Tr, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Thanh H.

Địa chỉ: Số 618 đường Xương G, phường Xương G, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Sỹ H; chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1994, có địa chỉ: Số 334, đường Minh Kh, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T-Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Luật Fanci, địa chỉ: Số 344, đường Minh Kh, phường Hoàng Văn Th đường, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1965, có mặt;

2. Bà Giáp Thị H3, sinh năm 1971, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1993, vắng mặt;

2. Ông Giáp Văn H5, sinh năm 197, vắng mặt;

3. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1983, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Tô Thị H4 – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Phố Nhã N, thị trấn Nhã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Văn phòng Công chứng Xương G, địa chỉ: Số 396, đường Lê L, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D – Trưởng Văn phòng, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank) do ông Hoàng Thái Slà người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để đảm bảo cho Công ty TNHH Thương mại Thanh H (gọi tắt là Công ty Thanh H) vay tiền tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V Chi nhánh Bắc Giang **(**gọi tắt VPbank Chi nhánh Bắc Giang) thì ngày 17/5/2010 và ngày 26/5/2011 tại Văn phòng Công chứng Xương G, vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Giáp Thị H3

và VPbank Chi nhánh Bắc Giang đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/TSTC-PGD-NTG, Phụ lục bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/TSTC-PGD-NTG.

Tài sản thế chấp của vợ chồng ông H2, bà H3 gồm:

Quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 01 có diện tích 311m^2 tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Q 111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3;

- Các tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà 2 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 170m^2; 01 nhà 3 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 300m^2 và các công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp.

Ngày 26/5/2011, Công ty Thanh H và VPbank Chi nhánh Bắc Giang đã ký Hợp đồng tín dụng số LD1114600010. VPbank Chi nhánh Bắc Giang đã giải ngân cho Công ty Thanh H vay số tiền 1.200.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Vợ chồng bà H3, ông H2 cũng tham gia ký kết vào Hợp đồng tín dụng. Công ty Thanh H đã tất toán khoản vay trên cho Ngân hàng.

Ngày 08/6/2012 tại Văn phòng Công chứng Xương G, vợ chồng ông H2, bà H3 Vpbank và Chi nhánh Bắc Giang đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 245D/TSTC-2012 có nội dung: Vợ chồng ông H2, bà H3 vẫn tiếp tục dùng các tài sản của vợ chồng ông H2, bà H3 gồm QSDĐ và các tài sản trên thửa đất số 01 có diện tích 311m^2 tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà H3 để để đảm bảo cho Công ty Thanh H vay vốn.

Ngày 02/8/2013, Công ty Thanh H và Ngân hàng ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1321400337.

Tại Khế ước nhận nợ số LD 13214000338 ngày 02/8/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Thanh H số tiền 1.060.000.000 đồng cụ thể là:

- Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 02/08/2013 đến ngày 02/02/2014.

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 12,7%/ năm; mức lãi suất này sẽ được cố định trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh định lỳ 01 tháng/1 lần, mức độ điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của VPbank Hội sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty Thanh H về việc trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, Công ty Thanh H mới trả cho Ngân hàng được

247.797.389 đồng tiền gốc và 55.719.213 đồng tiền lãi. Toàn bộ số tiền nợ của Công ty Thanh H được chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 02/2/2014.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty Thanh H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1321400337 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2019) là 1.637.224.026 đồng, (trong đó tiền gốc là 812.202.611 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.992.582 đồng, tiền lãi quá hạn là 806.028.833 đồng). Ngoài ra Công ty Thanh H trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LD1321400337, Khế ước nhận nợ số LD1321400338 ngày 02/8/2013 sau khi xét xử đến khi Công ty Thanh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Thanh H do ông Tô Sỹ H là người đại diện theo pháp luật đã trình bày:

Ông là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Thanh H. Công ty đã vay tiền của Ngân hàng và nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi như đại diện của Ngân hàng đã trình bầy là đúng. Nay, Công ty đề nghị được thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hai phương án sau:

- Trả toàn bộ tiền gốc cho Ngân hàng trong tháng 8/2015 nếu Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi cho Công ty.

- Trả dần tiền cho Ngân hàng cụ thể là: Trả 100.000.000 đồng tiền gốc/1 tháng và tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ tháng 8/2015 cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 đều trình bày:

Vợ chồng ông bà có 02 thửa đất liền kề tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang gồm: Một thửa đất số 01, diện tích 311m^2, Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Giáp Thị H3; một thửa đất số 01, diện tích 313m^2, Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn H2. Ông bà quản lý, sử dụng chung cả 02 thửa đất. Năm 2010, ông bà đã cho vợ chồng ông Giáp Văn H5 và bà Phạm Thị Ph (ông H5 là em ruột bà H3) một phần đất để xây ngôi nhà 3 tầng. Sau đó, ông bà đã xây thêm một ngôi nhà 2 tầng sát cạnh nhà vợ chồng ông H5, bà Ph. Đến nay, vợ chồng ông bà vẫn chưa làm thủ tục sang tên đất cho ông H5, bà Ph.

Cũng trong năm 2010, vợ chồng ông H5, bà Ph cần tiền để hoàn thiện ngôi nhà 3 tầng nên đã đề nghị vợ chồng ông bà cho mượn Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà H3 để nhờ người vay hộ số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng. Ngày 8/6/2012, tại Văn phòng Công chứng Xương G, vợ chồng ông bà và Ngân hàng VPBank Bắc Giang đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 245D/TSTC-2012, mục đích là dùng tài sản của vợ chồng ông bà để bảo đảm cho Công ty TNHH Thanh H vay tiền hộ vợ chồng ông H5, bà Ph. Do chủ quan, không đọc kỹ Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng nên vợ chồng ông bà không biết Công ty Thanh H đã vay của Ngân hàng số tiền 1.060.000.000 đồng. Trước khi vợ chồng ông bà ký Hợp đồng thế chấp, cán bộ Ngân hàng có đến thẩm định tài sản nhưng ông bà cũng không rõ phải thực hiện các thủ tục gì. Cán bộ Ngân hàng bảo ký vợ chồng ông bà ký vào văn bản gì thì ông bà ký vào đó chứ ông bà cũng không đọc nội dung.

Thực tế thì vợ chồng ông bà có 02 thửa đất liền kề. Trong đó 01 thửa đất có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông H2; 01 thửa đất có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà H3. Nhưng cả 02 thửa đất này đều là số thửa 01. Ông bà cũng không xác định được chính xác ngôi nhà 2 tầng của vợ chồng ông bà và ngôi nhà 3 tầng của vợ chồng ông H5 nằm trên thửa đất nào ? (thửa mang tên bà H3 hay thửa mang tên ông H2). Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp thì ông, bà mới rõ ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng nói trên nằm trên thửa đất mang tên ông H2 mà không phải nằm trên thửa đất mang tên bà H3. Vợ chồng ông bà có 02 người con là chị Nguyễn Thị Hải Y – sinh năm 1993 và anh Nguyễn Hải A – sinh năm 2003. Hai con của ông bà không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của vợ chồng ông bà.

Nay, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ông bà để thu hồi nợ của Công ty Thanh H thì vợ chồng ông bà không đồng ý. Ông bà yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 vô hiệu do vợ chồng ông bà đã Ngân hàng bị lừa dối. Vợ chồng ông bà chỉ cho Công ty Thanh H mượn Giấy chứng nhận QSDĐ để vay Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng giúp ông H5, ông bà không đồng ý về việc Ngân hàng đã cho Công ty vay số tiền 1.060.000.000 đồng.

Ông Giáp Văn H5 và bà Phạm Thị Ph đã trình bày:

Năm 2010, vợ chồng ông, bà được vợ chồng bà Giáp Thị H3 cho một phần đất để xây nhà. Do ông H5 và bà H3 là hai chị em ruột nên khi vợ chồng bà H3 cho vợ chồng ông bà đất thì không lập thành văn bản. Nay, vợ chồng ông bà vẫn chưa

được vợ chồng bà H3 cho sang tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi được cho đất thì vợ chồng ông bà đã xây ngôi nhà 3 tầng trên đất của vợ chồng ông H2, bà H3 và ở trên đất này từ 2010 đến nay. Do vợ chồng ông, bà quen biết với bà Tô Thị Huyền (chị gái ông Tô Sỹ H – Giám đốc Công ty Thanh H) và được sự đồng ý của vợ chồng ông H2, bà H3 nên ông H5 đã nhờ bà H4 vay hộ ông H5 200.000.000 đồng tại Ngân hàng bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ của bà H3. Mọi thủ tục liên hệ với Ngân hàng do ông Tô Sỹ H đứng ra lo liệu. Ông H2, bà H3 đã tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Ông H5 có nhận 200.000.000 đồng do bà H4 đưa. Nay, Ngân hàng đề nghị phát mại ngôi nhà 3 tầng của vợ chồng ông bà do ngôi nhà này được xây trên đất của vợ chồng ông H2, bà H3 thì vợ chồng ông bà không đồng ý. Đối với việc vay tiền giữa vợ chồng ông bà với bà Tô Thị Huyền là quan hệ khác, ông bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Chị Nguyễn Thị Hải Y đã trình bày:

Chị là con gái của ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3. Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang và tài sản trên đất là tài sản chung của bố mẹ chị. Từ nhỏ chị được bố mẹ nuôi ăn học, không đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung của ông H2, bà H3. Chị không có yêu cầu gì trong vụ và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Bà Tô Thị H4 đã trình bày: Khoảng tháng 3 năm 2010, ông Giáp Văn H5 có mang Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Giáp Thị H3 đến nhờ bà thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền hộ ông H5 để ông H5 xây nhà. Bà đã đồng ý và bà đã giới thiệu ông H5, anh Hùng (anh rể của ông H5) đến gặp em trai của bà là ông Tô Sỹ H – Giám đốc Công ty Thanh H. Ông H5, ông H2 và ông H thỏa thuận cụ thể như thế nào thì bà không rõ. Sau đó, bà biết ông H đã làm thủ tục vay Ngân hàng giúp ông H5 thông qua Công ty Thanh H. Trong số tiền ông H đã vay của Ngân hàng thì ông H5 có vay lại của ông H 200.000.000 đồng, đến nay ông H5 vẫn chưa trả được số nợ trên cho ông H. Bà không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa ông H5 và ông H. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Văn phòng Công chứng Xương G do ông Nguyễn Văn D – Trưởng Văn phòng là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 08/6/2012, Văn phòng Công chứng Xương G công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản số 245D/TSTC-2012 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Giáp Thị H3 và VPbank Chi nhánh Bắc Giang. Khi công chứng Hợp đồng thì Văn phòng Công chứng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và Luật công chứng

năm 2006. Nay, các bên xẩy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Văn phòng Công chứng xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

* Ngày 07/8/2015, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Thửa đất số 01 có diện tích 311m^2 tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Giáp Thị H3 ngày 28/12/2000.

+ Đất có các chiều tiếp giáp như sau:

- Phía đông giáp nhà ông Th 13,8m và nhà ông S 19m;
- Phía Tây giáp đất nhà ông H2, dài 32,8m;
- Phía Nam giáp đất nhà ông M dài 10m;
- Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 294, dài 9m.

+Tài sản trên đất gồm:

- Nhà cấp 4 lợp mái ngói xây từ năm 1991, diện tích khoảng 30m^2;
- Bếp và công trình phụ lợp mái ngói đã cũ nát, xây từ năm 1991, diện tích khoảng 20m^2
- Sân lát gạch lá nem, diện tích khoảng 30m^2;
- Khu nhà chăn nuôi lợp mái Fibro xi măng, diện tích khoảng 70m^2.

* Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng VPbank có đơn trình báo tố giác tội phạm với nội dung tố cáo ông Tô Sỹ H, bà Giáp Thị H3, ông Nguyễn Văn H2 đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng VPbank. Ngày 26/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 03 có nội dung: Không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác tội phạm của Ngân hàng VPbank.

* Ngày 18/3/2019, bà Giáp Thị H3 có đơn tố cáo Tô Sỹ H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Ngày 25/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có Công văn số 1031/CV-CSĐT trả lời bà H3 có nội dung: Không có căn cứ chứng minh ông Tô Sỹ H chiếm đoạt tài sản sản của Ngân hàng VPbank nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã có Quyết định không khởi tố vụ án số 03 ngày 26/11/2018. Hiện bà H3 vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Q111640 đang thế chấp tại Ngân hàng VPBank. Việc bà H3 có đơn tố cáo ông Tô Sỹ H có hành vi chiếm đoạt tài sản (Giấy chứng nhận QSDĐ) là không có căn cứ.

Không đồng ý với Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 03 ngày 26/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang, bà H3 có Đơn khiếu nại tới Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 10/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Công văn số 456/VKS-P3 trả lời Đơn khiếu nại của bà Giáp Thị H3 có nội dung: Do nội dung khiếu nại của bà H3 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xem xét, xác minh khi giải quyết đơn tố cáo của Ngân hàng VPBank. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định không khởi tố vụ án số 03 ngày 26/11/2018. Theo Điều 158 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì bà H3 là người không thuộc trường hợp có quyền khiếu nại Quyết định đối với Quyết định số 03 ngày 26/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 26/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 122, Điều 323, Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật của các tổ chức tín dụng. Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Thanh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank) số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2019 là 1.637.224.026 đồng (trong đó gồm 812.202.611 đồng tiền gốc, 18.992.582 đồng tiền lãi trong hạn, 806.028.833 đồng tiền lãi quá hạn) và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LD1321400337, Khế ước nhận nợ số LD1321400338 ngày 02/8/2013.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 về việc yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa VPBank - Chi nhánh Bắc Giang với ông H2 và bà H3 vô hiệu.

3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho VPBank thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại các tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 01, diện tích 311m^2 ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3, theo Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 với VPBank - Chi nhánh Bắc Giang.

4. Không chấp nhận yêu cầu của VPBank về việc phát mại tài sản thế chấp là 01 nhà 2 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 170m^2; 01 nhà 3 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 300m^2 gắn liền thửa số 01, diện tích 311m^2 ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3, theo Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 với VPBank - Chi nhánh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 9/5/2019, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank), Công ty TNHH Thương mại Thanh H, ông Nguyễn Văn H2 nộp đơn kháng cáo cụ thể như sau:

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank) không đồng bản án sơ thẩm về việc Ngân hàng không được kê biên phát mại đối với tài sản trên đất.

- Công ty TNHH Thương mại Thanh H không đồng ý về việc phải trả số tiền lãi cho Ngân hàng.

- Ông Nguyễn Văn H2 đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Công ty TNHH Thương mại Thanh H và ông H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Công ty TNHH Thương mại Thanh H do bà Trần Thị Thanh Hằng đại diện theo ủy quyền trình bầy: Công ty chỉ đồng ý trả 3 tháng tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày Công ty được Ngân hàng giải ngân với mức lãi suất không vượt qua 11%/tháng theo Thông tư số 09/2013/NHNN ngày 25/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định. Còn từ tháng thứ 4 trở đi Công ty không đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng vì lý do Ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất nhưng Ngân hàng đã không thông báo cho Công ty biết. Việc công ty áp dụng "lãi suất bán vốn" là trái quy định tại Điều 45 Luật Doanh nghiệp và Điều 84 Bộ Luật dân sự.

+ Ông Nguyễn Văn H2 đã trình bầy: Hợp đồng thế chấp tài sản giữa VPBank - Chi nhánh Bắc Giang với vợ chồng ông ngày 08/6/2012 là vô hiệu toàn bộ vì lý do: Ông chỉ thế chấp QSDĐ để đảm bảo cho Công ty vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000đ với mục đích là để cho vợ chồng ông Giáp Văn H5 xây nhà. Nhưng Công ty lại vay của Ngân hàng số tiền 812.202.611 đồng. Khi ký kết Hợp đồng thế chấp ông không đọc các Điều khoản trong Hợp đồng. Nguồn gốc của thửa đất này là của ông Giáp Văn Th và bà Giáp Thị Ch là bố mẹ bà H3 đã tặng cho vợ chồng ông từ năm 1991. Các tài sản trên đất là ngôi nhà 3 gian cấp 4 và công trình phụ có từ trước khi vợ chồng ông nhận đất của ông Th, bà Ch. Ông Th, bà Ch chỉ tặng cho vợ chồng ông QSDĐ còn các tài sản trên đất vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của vợ chồng ông Th, bà Ch. Nhưng ông Th, bà Ch không được tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản. Nay, Ngân hàng đề nghị pháp mại tài sản thế chấp là phần đất có tài sản của ông Th, bà Ch làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th, bà Ch.

+ Luật sư Nguyễn Văn T trình bầy: Tại giấy nhận nợ đã quy định về mức lãi trong 3 tháng đầu là 12,7% là vượt quá quy định về mức lãi suất 11% tại Thông tư số 09/2013/NHNN ngày 25/3/2013 và Quyết định số 1627/NHNN ngày 31/12/2017 của Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cho vay này sẽ được cố định trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh định lỳ 01 tháng/1 lần, mức độ điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của VPbank Hội sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm. Mỗi lần điều chỉnh lãi suất cho vay thì Ngân hàng phải thông báo cho bên vay nhưng từ tháng 11/2013 đến ngày Ngân hàng khởi kiện Ngân hàng cũng không thông báo về

việc thay đổi mức lãi suất cho Công ty để Công ty biết. Hơn nữa, khái niệm "lãi suất bán vốn" là không rõ ràng nhưng Ngân hàng cũng không giải thích cho phía Công ty biết. Nay Ngân hàng đã giải thích rằng: "lãi suất bán vốn" là mức lãi suất Hội sở thu của các Chi nhánh áp dụng cho các khoản mục thuộc phạm vi tính lãi điều chuyển vốn nhưng việc bán vốn của Hội sở cho các Chi nhánh của mình là hoạt động kinh doanh trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 18.992.582 đồng; tiền lãi quá hạn là 806.028.833 đồng thì Công ty không đồng ý. Nay, Công ty chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong 3 tháng đầu theo mức lãi suất 11%/1 tháng, còn các tháng tiếp theo Công ty đồng ý trả cho Ngân hàng theo mức lãi suất là 3%/1 tháng. Khấu trừ số tiền lãi mà Công ty đã trả cho Ngân hàng là 55.719.213 đồng thì Công ty chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền là: 239.411.838 đồng. Đối với tài sản thế chấp có ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Th, bà Ch xây dựng từ năm 1991. Ông Th, bà Ch chỉ cho vợ chồng ông H2 QSDĐ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác định về việc vợ chồng ông Th, bà Ch có cho vợ chồng ông H2 các tài sản trên đất hay không? Giấy chứng nhận QSDĐ chỉ đứng tên bà H3 nên phần đất là tài sản riêng của bà H3 nhưng Hợp đồng thế chấp lại ghi tên thế chấp là vợ chồng ông H2, bà H3 là đã xác định sai chủ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản. Hơn nữa, Hợp đồng thế chấp đã xác định tài sản thế chấp là ngôi nhà 3 tầng và nhà 2 tầng trên đất là không có thực. Vợ chồng ông H2 không được đọc các Điều khoản ghi trong Hợp đồng thế chấp tài sản khi ký kết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho ông H2 đối chất với Công chứng viên là không đúng. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản là vô hiệu.

+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank) do ông Hoàng Thái Slà người đại diện theo ủy quyền trình bầy: Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là có giá trị pháp lý. Trường hợp Công ty Thanh H không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại các tài sản là QSDĐ và các tài sản trên thửa đất mang tên bà H3 và phát mại các tài sản gồm ngôi nhà 3 tầng và 2 tầng trên thửa đất mang tên ông H2. Do phần đất mang tên ông H2 không được dùng làm tài sản thế chấp nên sau khi phát mại tài sản trên phần đất này, Ngân hàng sẽ trả lại cho chủ sử dụng số tiền tương ứng giá trị của thửa đất. Về nội dung kháng cáo của Công ty TNHH Thanh H chỉ đồng ý trả 3 tháng lãi tính từ ngày Công ty được Ngân hàng giải ngân với mức lãi suất không

vượt qua 11%/tháng theo Thông tư số 09/2013/NHNN ngày 25/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng không đồng ý. Việc Công ty cho rằng Ngân hàng không thông báo cho Công ty mức lãi suất nên Công ty không phải trả tiền lãi cho Ngân hàng từ tháng thứ 4 trở đi là không đúng vì: Giấy nhận nợ của Ngân hàng đã quy định khi Ngân hàng điều chỉnh lãi suất mà Ngân hàng không thông báo cho Công ty biết thì Công ty vẫn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng. Về việc Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cho rằng "lãi suất bán vốn" mà Ngân hàng quy định trong Giấy nhận nợ là không rõ ràng nhưng Ngân hàng không giải thích cho bị đơn biết thuộc về lỗi của Ngân hàng thì Ngân hàng không nhất trí vì: Sau khi Công ty được giải ngân không thắc mắc gì về khái niệm "lãi suất bán vốn". Khái niệm "lãi suất bán vốn" (LsBV) là quy định của VPBank thể hiện tại Chính sách điều chuyển vốn nội bộ VPBank số 256/2012/CS-HĐQT ngày 02/5/2012 cụ thể là: "lãi suất bán vốn" là mức lãi suất Hội sở thu của các Chi nhánh áp dụng cho các khoản mục thuộc phạm vi tính lãi điều chuyển vốn nằm trên "tài sản có" (TSC). Danh mục (TSC) áp dụng (LsBV) gồm các mục....Cho vay khách hàng (không tính tài trợ, ủy thác). Đi kèm với "Chính sách điều chuyển vốn nội bộ VPBank" là các Quyết định áp dụng biểu lãi suất Điều chuyển vốn nội bộ. Dự vào các biểu lãi suất này VPBank đã cộng với biên độ lãi suất đã nêu trong Hợp đồng tín dụng để điều chỉnh lãi suất của khách hàng phù hợp với lãi suất thực tế từng thời điểm. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Công ty cũng không đề nghị Ngân hàng giải thích về khái niệm này nên Ngân hàng không có lỗi đối với Công ty về vấn đề này. Về việc Luật sư T cho rằng và hoạt động bán vốn của hệ thống Ngân hàng là vi phạm pháp luật nhưng Luật sư T cũng không chỉ rõ Ngân hàng đã vi phạm về quy định nào trong Luật các tổ chức tín dụng hay vi phạm pháp luật cụ thể nào nên ý kiến của Luật sư T là không có căn cứ. Về việc Luật sư T và ông H2 cho rằng: Các tài sản trên đất là ngôi nhà 3 gian cấp 4 và công trình phụ vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của vợ chồng ông Th, bà Ch là không có căn cứ vì Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà H3. Khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản vợ chồng ông H2 đều cam kết tài sản thế chấp là của vợ chồng ông H2.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty TNHH Thanh H sửa 1 phần bản án sơ thẩm về việc tính lãi tiền lãi theo mức áp dụng tối đa là 11%/năm theo quy định của Thông tư số 09/2013/NHNN ngày 25/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 02/8/2013, Công ty Thanh H (Công ty) với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank– Chi nhánh Bắc Giang gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1321400337, trong đó Công ty vay tiền của Ngân hàng số tiền gốc 1.060.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thì bên thứ ba là vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Giáp Thị H3 và Ngân hàng đã đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/TSTC-PGD-NTG ngày 17/5/2010, Phụ lục bổ sung Hợp đồng thế chấp số 21/TSTC-PGD-NTG ngày 26/5/2011. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng Công chứng Xương G và được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ huyện T.

Tài sản thế chấp được ghi trong Hợp đồng thế chấp tài sản là:

- Quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 01 có diện tích 311m^2 tại thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Q 111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3;

- Các tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà 2 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 170m^2; 01 nhà 3 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 300m^2 và các công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp.

Ngày 02/8/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Thanh H số tiền 1.060.000.000 đồng.

Tại Khế ước nhận nợ số LD 13214000338 ngày 02/8/2013 đã nêu rõ:

- Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 02/08/2013 đến ngày 02/02/2014.

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh: 12,7%/ năm; mức lãi suất này sẽ được cố định trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh định lỳ 01 tháng/1 lần, mức độ điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của VPbank Hội sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty Thanh H mới trả cho Ngân hàng được 247.797.389 đồng tiền gốc và

55.719.213 đồng tiền lãi. Toàn bộ số tiền nợ của Công ty Thanh H được Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 02/2/2014.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty Thanh H trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2019) là 1.637.224.026 đồng (trong đó tiền gốc là 812.202.611 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.992.582 đồng, tiền lãi quá hạn là 806.028.833 đồng). Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tiếp theo đến khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị kê biên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 để Ngân hàng thi hồi toàn bộ số tiền nợ của Công ty.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty TNHH Thương mại Thanh H phải trả nợ toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo như đề nghị của Ngân hàng. Ngoài ra bản án còn tuyên về việc Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp là QSDĐ 311m^2 của vợ chồng ông H2, bà H3 trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị kê biên phát mại là các tài sản thế chấp là ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng trên phần đất của vợ chồng ông H2.

Sau khi xét xử, Ngân hàng nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị kê biên phát mại là các tài sản thế chấp là ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng trên phần đất mang tên ông H2 trong Giấy chứng nhận QSDĐ.

Công ty TNHH Thương mại Thanh H nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong 3 tháng đầu theo mức lãi suất 11%/1 tháng. Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Thương mại Thanh H đã có quan điểm: Công ty chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong 3 tháng đầu theo mức lãi suất 11%/1 tháng còn các tháng tiếp theo Công ty đồng ý trả cho Ngân hàng theo mức lãi suất là 3%/1 tháng. Khấu trừ số tiền lãi mà Công ty đã trả cho Ngân hàng là 55.719.213 đồng thì Công ty chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền là: 239.411.838 đồng.

Vợ chồng ông H2, bà H3 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc: Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp là QSDĐ 311m^2 của vợ chồng ông H2, bà H3 trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng. Vợ chồng ông H2, bà H3 đề nghị tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu toàn bộ vì lý do vợ chồng ông H2 đã bị Ngân hàng lừa dối khi ký kết vào Hợp đồng. Phần đất mang tên bà H3 dùng làm tài sản thế chấp có ngôi nhà của vợ chồng ông Giáp Văn Th và bà Giáp Thị Ch. Ông Th, bà Ch là bố mẹ của bà H3 nhưng ông Th và Chăm đã không được tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty về việc chỉ đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng số tiền 239.411.838 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khế ước nhận nợ số LD 13214000338 ngày 02/8/2013 (theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1321400337ngày 02/8/2013), Công ty Thanh H đã nhận giải ngân số tiền gốc 1.060.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 02/8/2013 đến ngày 02/2/2014, lãi suất 12,7%/năm; mức lãi suất này sẽ được cố định trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần, mức độ điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của VPBank Hội sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty Thanh H không trả tiền gốc, tiền lãi đúng hạn là đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1321400337 ngày 02/8/2013 và vi phạm khoản 6, Điều 1 của Khế ước nhận nợ ngày 02/8/2013. Khoản vay chuyển quá hạn kể từ ngày 02/2/2014. Theo bảng kê tính lãi của VPBank cung cấp cho Tòa án thì tính đến hết ngày 25/4/2019, Công ty Thanh H chưa thanh toán cho VPBank số tiền gồm: Nợ gốc là 812.202.611 đồng, số nợ lãi trong hạn là 18.992.582 đồng, nợ lãi quá hạn 806.028.833 đồng.

Mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bảng kê tính lãi của VPBank đối với Công ty Thanh H đã thể hiện từ ngày 02/8/2013 đến ngày 01/4/2014 có mức lãi suất cao hơn 11%/năm. Từ sau ngày 01/4/2014 thể hiện mức lãi suất nhỏ hơn hoặc bằng 11%/năm.

Theo Khế ước nhận nợ thì thời hạn trả nợ của Công ty Thanh H là 06 tháng. Mức lãi suất trong 03 tháng đầu được quy định là 12,7%/năm sau đó được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần, mức độ điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của VPBank Hội sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm.

Ông Hoàng Thái Slà người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã trình

bầy: Khái niệm "lãi suất bán vốn" (LsBV) là quy định của VPBank thể hiện tại Chính sách điều chuyển vốn nội bộ VPBank số 256/2012/CS-HĐQT ngày 02/5/2012 cụ thể là: "lãi suất bán vốn" là mức lãi suất Hội sở thu của các Chi nhánh áp dụng cho các khoản mục thuộc phạm vi tính lãi điều chuyển vốn nằm trên "tài sản có" (TSC). Danh mục (TSC) áp dụng (LsBV) gồm các mục....Cho vay khách hàng (không tính tài trợ, ủy thác). Đi kèm với "Chính sách điều chuyển vốn nội bộ VPBank" là các Quyết định áp dụng biểu lãi suất Điều chuyển vốn nội bộ. Dự vào các biểu lãi suất này VPBank đã cộng với biên độ lãi suất đã nêu trong Hợp đồng tín dụng để điều chỉnh lãi suất của khách hàng phù hợp với lãi suất thực tế từng thời điểm.

Tại thời điểm giải ngân, Công ty không thắc mắc gì về khái niệm "lãi suất bán vốn" của VPBank. Khi đến hạn trả nợ Công ty cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng. Khi Ngân hàng đôn đốc Công ty trả tiền và thông báo về việc tiền lãi chuyển sang lãi quá hạn Công ty cũng không có ý kiến gì về "mức lãi suất" và cũng không yêu cầu Ngân hàng giải thích về việc Ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất từ tháng thứ tư như thế nào? Sau khi Ngân hàng khởi kiện vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Sỹ H là Giám đốc của Công ty đã trình bày: "Công ty đã vay tiền của Ngân hàng và nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi như đại diện của Ngân hàng đã trình bầy là đúng. Nếu Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi cho Công ty thì Công ty sẽ trả toàn bộ tiền gốc cho Ngân hàng trong tháng 8/2015. Nếu Ngân hàng không miễn tiền lãi cho Công ty thì Công ty xin trả dần tiền cho Ngân hàng".

Như vậy, khi đến hạn trả nợ, Công ty không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với Điều 95 Luật của các tổ chức tín dụng.

Xét về mức lãi suất thì thấy: Mức lãi suất của Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán là hoàn toàn phù hợp việc thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty và Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích cho Công ty cho rằng từ tháng thứ 4 Ngân hàng không thông báo mức lãi suất cho Công ty nên Công ty chỉ đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất 3%/năm. Hơn nữa, Ngân hàng không giải thích rõ mức lãi suất từ tháng thứ tư sau khi giải ngân cho Công ty, "lãi suất bán vốn" là mức lãi suất Hội sở thu của các Chi nhánh áp dụng cho các khoản mục thuộc phạm

vi tính lãi điều chuyển vốn nhưng việc giải thích này cũng là không rõ ràng, việc bán vốn của Hội sở cho các Chi nhánh của mình là hoạt động kinh doanh trái pháp luật.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Luật sư T cho rằng Ngân hàng có hoạt động bán vốn là hoạt động kinh doanh trái pháp luật nhưng Luật sư cũng không nêu được các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng là trái quy định nào của BLDS hay Luật các tổ chức tín dụng.

Về việc Công ty và Luật sư T cho rằng từ tháng thứ 4 Ngân hàng không thông báo mức lãi suất cho Công ty nên Công ty chỉ đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức 3%/năm là không có căn cứ vì: "Việc vi phạm thời hạn trả tiền cho Ngân hàng là hoàn toàn do lỗi của Công ty. Hơn nữa, theo điểm b khoản 5 của Khế ước nhận nợ đã quy định: "Trường hợp bên Ngân hàng chưa gửi thông báo, bên vay có quyền yêu cầu bên Ngân hàng gửi thông báo; tuy nhiên việc bên Ngân hàng chưa gửi thông báo không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của việc điều chỉnh lãi suất, bên vay vẫn phải chịu mức lãi suất mới kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh".

Như vậy, việc Công ty chỉ đồng ý trả số tiền lãi là 239.411.838 đồng cho Ngân là không có căn cứ.

Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 09/2013/NHNN ngày 25/3/2013 ngày 25/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định: "lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế đã quy định: Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 11%/năm".

Theo hướng dẫn của Thông tư số 09/2013/NHNN nói trên thì việc Ngân hàng tính mức lãi suất cao hơn 11%/năm cần phải điều chỉnh lại bằng 11%/năm. Như vậy, từ ngày 02/8/2013 đến ngày 01/4/2014 cần điều chỉnh lại mức lãi suất bằng 11%/năm. Số tiền lãi trong hạn sẽ là 13.757.360 đồng, số tiền lãi quá hạn là 804.739.166 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 818.496.526 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà Công ty phải trả cho Ngân hàng là:

812.202.611 đồng + 818.496.526 đồng = 1.630.699.137 đồng

(Có bảng kê tính lãi chi tiết kèm theo bản án).

Như vậy, cần chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty, sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi theo sự phân tích ở trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Giáp Thị H3 và Công ty Thanh H về việc đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số

245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 là vô hiệu toàn bộ và kháng cáo của Ngân hàng đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên có giá trị pháp lý, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét về chủ thể của tài sản thế chấp là QSD và các tài sản trên thửa đất có diện tích 311m^2 tại thửa số 01 có địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì thấy:

Cài tài sản trên thửa đất này gồm có:

- Nhà cấp 4 lợp mái ngói xây từ năm 1991, diện tích khoảng 30m^2;

- Bếp và công trình phụ lợp mái ngói đã cũ nát, xây từ năm 1991, diện tích khoảng 20m^2

- Sân lát gạch lá nem, diện tích khoảng 30m^2;

- Khu nhà chăn nuôi lợp mái Fibro xi măng, diện tích khoảng 70m^2.

Theo vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Giáp Thị H3 đều trình bầy nguồn gốc của thửa đất trên là của vợ chồng ông Giáp Văn Th và bà Giáp Thị Ch là bố mẹ bà H3 đã tặng cho vợ chồng ông H2, bà H3 từ năm 1991. Khi đó đã có các tài sản trên đất. Vợ chồng bà H3, ông H2 cùng quản lý, sử dụng phần tài sản này từ năm 1991 đến nay. Ngày 28/12/2000, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Q 111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3. Ngày 17/5/2010 và ngày 26/5/2011 tại Văn phòng Công chứng Xương G, vợ chồng ông H2 và bà H3 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/TSTC-PGD-NTG, Phụ lục bổ sung Hợp đồng thế chấp số 21/TSTC-PGD-NTG với VPBank Chi nhánh Bắc Giang có nội dung: "Dùng tài sản chung của vợ chồng là các tài sản nói trên để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Thanh H".

Tại đơn đăng ký thế chấp tài sản, vợ chồng ông H2, bà H3 đã cam kết các tài sản này là tài sản của vợ chồng ông H2 bà H3, (BL 28).

Nay, ông H2, bà H3 và Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Thanh H cho rằng phần đất là tài sản riêng của bà H3 còn các tài sản trên đất là tài sản của vợ chồng ông Th, bà Ch nhưng ông H2, bà H3 và Luật sư T cũng không đưa ra được các căn cứ để chứng minh các tài sản trên đất là của ông Th, bà Ch. Do vậy, phải xác định quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất là của vợ chồng ông H2, bà H3.

[2.2] Xét về tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp tài sản:

Phía ông H2 và bà H3 cho rằng: Ông H2, bà H3 không được đọc các Điều khoản được ghi trong Hợp đồng thế chấp tài sản trước khi ký kết; ông H2, bà H3 chỉ dùng tài sản của mình đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng của Công ty

Thanh H tại Ngân hàng nhưng ông H2 và bà H3 cũng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Thực tế thì từ năm 2010 và năm 2011 vợ chồng ông H2, bà H3 đã tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng và ông H2, bà H3 đã dùng những tài sản là nhà và đất này để đảm bảo cho Công ty Thanh H vay Ngân hàng số tiền 1.200.000 đồng. Nay, ông H2, bà H3 cho rằng ông H2, bà H3 chỉ ký Hợp đồng thế chấp tài sản theo sự hướng dẫn của cán bộ Ngân hàng và ông H2, bà H3 bị cán bộ Ngân hàng lừa dối khi ký kết các Hợp đồng thế chấp tài sản là không có căn cứ.

Do Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là đã tuân thủ các quy định tại Điều 122, Điều 323, Điều 342, Điều 343 của Bộ luật dân sự 2005 nên phải xác định Hợp đồng thế chấp tài sản đối với QSDĐ và các tài sản trên đất như đã viện dẫn ở trên là hợp pháp.

[2.3] Xét kháng cáo của Ngân hàng về việc đề nghị kê biên phát mại các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản gồm: 01 nhà 2 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 170m^2; 01 nhà 3 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 300m^2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định phần đất mang tên bà H3 trong Giấy chứng nhận QSDĐ thì các tài sản này là không có thực. Thực tế là vợ chồng ông H2, bà H3 có 02 thửa đất giáp nhau. Trong đó 01 thửa đất có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông H2; 01 thửa đất có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà H3. Nhưng cả 02 thửa đất này đều là số thửa 01. Hiện nay, ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng đang nằm trên thửa đất mang tên ông H2 mà không phải nằm trên thửa đất mang tên bà H3.

Do vợ chồng ông H2, bà H3 cũng không biết rõ phần đất nào mang tên ông H2, phần đất nào mang bà H3 và cũng là do lỗi của cán bộ Ngân hàng khi tiến hành thẩm định đất của vợ chồng ông H2, bà H3 nên đã lầm tưởng phần đất mang tên ông H2 (trên đất có ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng) là thửa đất mang tên bà H3 và dẫn đến những sai sót đã nêu ở trên.

Như vậy thửa đất mang tên bà H3 mà vợ chồng ông H2, bà H3 đã thế chấp tại VPBank Bắc Giang bảo đảm cho Công ty Thanh H vay vốn không có các tài sản là ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng trên đất. Nay, Ngân hàng VPBank đề nghị kê biên phát mại các tài sản trên nhưng các tài sản này lại nằm trên phần đất mang tên ông H2 mà phần đất mang tên ông H2 không được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho Công ty Thanh H vay tiền. Như vậy việc Ngân hàng đề nghị phát mại

kê biên ngôi nhà 2 tầng và ngôi nhà 3 tầng trên phần đất mang tên ông H2 là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng cáo của ông H2 và Ngân hàng về các vấn đề trên là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc huyên Hợp đồng thế chấp tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về tiền án phí DSST: Do sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi nên phần án phí KDTMST được xác định lại.

Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền là 1.630.699.137 đồng nên Công ty chịu số tiền án phí sơ thẩm là:

36.000.000 đồng + 3% x 830.699.137 đồng =.

Do Ngân hàng không được chấp nhận đối với số tiền khởi kiện là 1.637.224.026 đồng-1.630.699.137 đồng = 6.524.889 đồng nên Ngân hàng phải chịu 3.000.000 đồng án phí DSST.

[4] Về tiền án phí KDTMPT: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Thanh H sửa 1 phần bản án án sơ thẩm đã xử về khoản tiền lãi.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 122, Điều 323, Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật của các tổ chức tín dụng. Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Thanh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VPBank) số tiền gốc và tiền lãi đến ngày 25/4/2019 là 1.630.699.137 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn một trăm ba mươi bảy đồng chẵn). Trong đó gồm 812.202.611 đồng tiền gốc, 13.757.360 đồng tiền lãi trong hạn, 804.739.166 đồng tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1321400337, Khế ước nhận nợ số LD1321400338 ngày 02/8/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 về việc yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa VPBank - Chi nhánh Bắc Giang với ông H2 và bà H3 vô hiệu.

3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Thanh H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho VPBank thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại các tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 01, diện tích 311m^2 ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3, theo Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 với VPBank - Chi nhánh Bắc Giang.

4. Không chấp nhận yêu cầu của VPBank về việc phát mại tài sản thế chấp là 01 nhà 2 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 170m^2; 01 nhà 3 tầng bê tông, mái tôn chống nóng, tường chưa sơn, tổng diện tích khoảng 300m^2 gắn liền thửa số 01, diện tích 311m^2 ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Q111640 ngày 28/12/2000 cho bà Giáp Thị H3, theo Hợp đồng thế chấp số 245D/TSTC-2012 ngày 08/6/2012 giữa ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 với VPBank - Chi nhánh Bắc Giang.

5. Án phí KDTMST:

Công ty TNHH Thương mại Thanh H phải nộp 60.920.974,11 đồng án phí kinh doanh tương mại sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Giáp Thị H3 phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng ông H2 và bà H3 được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0000230 ngày 02/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông H2 và bà H3 còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 2.800.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí 24.783.500 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001546 ngày 10/4/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Án phí KDTMPT: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 2.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0000463 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Thanh H số tiền 2.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0000461 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền 2.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0000437 ngày 09/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân thành phố B;
-Chi cục THADS thành phố B;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền